

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 07-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Dục.

Bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Huyền - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2019, tại tổ 2, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 03/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 25/3/2019, đối với các bị cáo:

1. Thào Mí P, sinh ngày 05/6/1983, tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Súa L, sinh năm 1962 và bà Giàng Thị D, sinh năm 1965; có vợ là Giàng Thị S, sinh năm 1983, có 05 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/8/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Thào Chá S, sinh năm 1986 tại huyện Y, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Sáu S, sinh năm 1942 và bà Vừ Thị M, sinh năm 1947; có vợ là Mua Thị C, sinh năm 1987 có 06 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/8/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S: Ông Cao Xuân B - Luật sư của Văn phòng luật sư Cao Xuân B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: 1. Chị Lò Thị V, sinh năm 1996;

2. Chị Vàng Thị L, sinh năm 1989;

Đều trú tại thôn Sải Giàng P, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại:* Ông Hoàng Ngọc C
- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*

1. *Người làm chứng*

1.1. Chị Giàng Thị S, sinh năm 1983; nơi cư trú thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

1.2. Chị Mua Thị C, sinh năm 1987; nơi cư trú thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Người phiên dịch tiếng Mông:* Bà Ly Thị D, địa chỉ thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, qua điện thoại Thảo Mí P đã làm quen với Lò Thị V và Vàng Thị L ở thôn S, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đến tháng 4 năm 2018, P về thăm bố mẹ đẻ ở xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang và có gặp Thảo Chá S (*là chủ hộ của P*), khi gặp nhau P có nói chuyện cho S biết là “*P quen biết Lò Thị V, Vàng Thị L và có ý định lừa đưa sang Trung Quốc bán để lấy tiền tiêu nhưng chưa biết ai mua*”, thì S nói “*tao có mối bên Trung Quốc, nếu con gái trẻ thì được giá khoảng 15.000 NDT/người, già và xấu thì rẻ hơn, mà quen biết chúng nó thì rủ đi chơi rồi đưa lên đây để lừa đưa sang Trung Quốc bán, được tiền tao và mày chia nhau*”.

Sáng ngày 16/5/2018, Thảo Mí P gọi điện cho Lò Thị V và Vàng Thị L, nói dối là “*trên huyện Đồng Văn chỗ làm thuê ông chủ trả mức lương cao*”, L và V tin nên đồng ý cùng P đi tìm việc làm, P gọi điện thoại thông báo cho Thảo Chá S biết và hẹn S xuống thị trấn T, huyện Q gặp nhau, S nhất trí. Sau đó, P và S mỗi người đi 01 xe máy từ nhà đến huyện Q. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày P, S, L và V gặp nhau ở thị trấn T, huyện Q. Sau khi gặp nhau, S đi một mình trước, còn P đèo L và V cùng xuất phát từ thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo đường Quốc lộ 4C đi lên huyện Đ, trên đường cả 04 người dừng lại nghỉ ở thôn K, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, qua trò chuyện thì S làm quen được với L và V. Khoảng 14 giờ 30 phút, P điều khiển xe máy chở Lò Thị V, S chở Vàng Thị L đến thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang và thuê 01 phòng nghỉ trọ cho L và V nghỉ trưa; P đi mua xăng, còn S thì ngồi đợi và điện báo cho người quen của S là L người Trung Quốc biết là “*sẽ có 01 người đưa 02 phụ nữ ra biên giới qua đường mòn xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, hẹn L ra khu vực giáp biên giới đón, tiền thì thanh toán sau*”, L đồng ý. Khi P đi mua xăng về, thì S bảo P là “*đưa L và V theo đường mòn qua xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang vượt biên sang Trung Quốc đến đường ô tô sẽ có người đón*”. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày P chở V, S chở L tiếp tục đi theo đường dân sinh

qua xã S ra xã B, trên đường đi S giả vờ hỏng xe và gọi điện thoại cho P quay lại đón L để S đi sửa xe máy. Sau đó, S đi về nhà, còn P chở V và L tiếp tục theo đường liên xã qua xã S ra xã B đến khu vực giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc, lúc đó khoảng 18 giờ cùng ngày, P dựng xe máy vào bụi cây ven đường rồi đưa L và V đi bộ khoảng 30m sang Trung Quốc đến đường ô tô thì gặp ba người đàn ông Trung Quốc cùng một chiếc xe ô tô màu sơn trắng loại 06 chỗ ngồi dừng ở ven đường đợi sẵn và hỏi P “*có phải thằng S bảo anh đưa người đến phải không*” P nói “*phải*”, ba người Trung Quốc bảo P, V và L lên xe ô tô đi sâu vào nội địa Trung Quốc, khi đi được khoảng 1 km thì xe ô tô dừng lại, một người bảo P xuống xe, P hiểu ý nên xuống xe, ba người đàn ông Trung Quốc đưa L và V đi tiếp. P đi bộ quay lại biên giới lấy xe máy, gọi điện thoại báo cho S biết rồi đi xe máy về nhà bỏ ở xã T, huyện Y. Đến hôm sau, S gọi điện thoại cho P hẹn sang nhà S để lấy tiền; khi P đến S nói bán L và V được tổng số là 26.000 NDT, S đưa cho P 15.000 NDT; sau khi nhận tiền P ra chợ đổi được 50.200.000 đồng tiền VNĐ, P đã dùng số tiền này mua được 01 xe máy nhãn hiệu HONDA loại Wave màu sơn trắng, đen với giá là 15.000.000 đồng, mua 01 con trâu đực màu lông đen khoảng 01 năm tuổi với số tiền là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại P chi tiêu cá nhân hết, còn chiếc xe máy P đã sử dụng chở L và V sang Trung Quốc bán do bị hỏng nên P đã bán. Phần Thào Chá S được hưởng là 11.000 NDT, S đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với các bị hại Vàng Thị L và Lò Thị V, sau khi bị lừa bán cho các đối tượng người Trung Quốc đã bị đưa sâu vào nội địa đất nước Trung Quốc đến một nhà người dân tộc Mông không rõ họ, tên, địa chỉ và bị giữ ở đó. Tại đây được người Trung Quốc nói cho biết đã mua L và V về làm vợ, nếu bỏ trốn sẽ bị giết; lợi dụng lúc sơ hở, ngày 19/5/2018 L và V đã bỏ trốn được ra ngoài và đến Công an Trung Quốc trình báo rồi được giải cứu trao trả về Việt Nam qua đường cửa khẩu tiểu ngạch xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Ngày 17/8/2018, các bị hại Vàng Thị L và Lò Thị V đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang, tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo Thào Mí P và Thào Chá S.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Thào Mí P và Thào Chá S ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang để xét xử các bị cáo về tội "Mua bán người" theo điểm d, khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Thào Mí P và Thào Chá S đều xác nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, không có ý kiến bổ sung thêm.

Tại phiên tòa các bị hại Vàng Thị L và Lò Thị V có ý kiến: Đề nghị xét xử nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của các bị cáo; về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho mỗi bị hại số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng. Các bị hại xác nhận tại phiên tòa các bị cáo và gia đình đã bồi thường được số tiền là 15.000.000 đồng (trong đó bị cáo P bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường 10.000.000 đồng); bị cáo S đã bồi thường xong, bị cáo P còn phải bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rõ ràng, các bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán người" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, nhận thức pháp luật còn hạn chế, gia đình khó khăn về kinh tế; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường về dân sự cho các bị hại. Do đó, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử dưới khung hình phạt đối với các bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo P từ 08 đến 09 năm tù, xử phạt bị cáo S từ 07 đến 08 năm tù. Về vật chứng đề nghị trả lại cho bị cáo và gia đình 01 chiếc xe máy.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại có ý kiến: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của các bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe người phạm tội và làm gương cho người khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S phạm tội "Mua bán người" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 150, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Thào Mí P từ 11 năm đến 12 năm tù; xử phạt bị cáo Thào Chá S từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà Nước gồm: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Point màu đỏ; 01 con trâu đực màu lông đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu KliTon.

Tuyên trả lại cho bị cáo Sỳ gồm: 01 xe máy BKS 23M1-099.00, nhãn hiệu YAMAHA; 01 chìa khóa điện; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 003.508 cấp ngày 22/7/2016; 01 ví giả da màu vàng đất; 01 giấy CMTND số 073303852 cấp ngày 13/12/2009; 01 giấy phép lái xe số AL 211507 cấp ngày 05/10/2009.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 592 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo P phải bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho các bị hại số tiền còn thiếu đối với mỗi bị hại là 2.500.000 đồng. Tổng cộng là 5.000.000 đồng.

- Về án phí: Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của các Luật sư, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại (các bút lục 92-95, 104-129-130-133, 142-171), phù hợp với các lời khai bị hại Lò Thị V và Vàng Thị L (số bút lục 172-178, 187-190-213-217, 236-239), người làm chứng Giàng Thị S và Mua Thị C (số bút lục 261-263) về mặt thời gian địa điểm thực hiện tội phạm, biên bản nhận dạng (số bút lục 96-103, 134-141, 179-186, 192-200-218-235, 241-258), vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định do có mối quan hệ quen biết với các bị hại là Vàng Thị L và Lò Thị V, do hám lời P đã nảy sinh ý định lừa các bị hại đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền tiêu sài. Qua điện thoại P nói dối là sẽ đưa các bị hại lên huyện Đồng Văn để tìm việc làm với mức lương cao, do tin tưởng P nên các bị hại đã đồng ý cùng đi với P. Ngày 16/5/2018, Thào Mí P cùng với Thào Chá S đã có hành vi lừa đưa các bị hại từ thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang đi đến đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc thuộc địa phận xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, rồi P là người trực tiếp đưa các bị hại qua biên giới Việt Nam và giao các bị hại L và V cho một người đàn ông Trung Quốc và nhận được tổng số tiền là 26.000 Nhân dân tệ (NDT). Trong đó P được hưởng số tiền là 15.000 NDT, còn S được hưởng số tiền là 11.000 NDT. Hành vi của các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S như đã nêu ở trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d,đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của con người, coi con người như một món hàng hóa để trao đổi trên thị trường, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì hám lời nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện tội phạm. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội với một thời hạn thích hợp đối với bị cáo mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành, bị cáo Thào Mí P là người có vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng việc đưa V và L sang

Trung Quốc bán, đồng thời là người trực tiếp đưa V và L vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc bán V và L và được chia số tiền là 15.000 NDT. Đối với Thào Chá S là người có vai trò thứ yếu, sau khi biết P có ý định lừa bán các bị hại, S đã liên hệ với L (người Trung Quốc) để nhằm thực hiện hành vi mua bán, sau đó S cũng là người thực hiện đặc lực hành vi phạm tội và được chia số tiền 11.000 NDT. Do đó, hình phạt đối với bị cáo P cần được áp dụng với mức cao hơn so với bị cáo S.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[5.1] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường về dân sự cho các bị hại, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về vật chứng của vụ án

[6.1] Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Point màu đỏ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động, loại máy có bàn phím bấm, có chữ KliTON phía dưới màn hình, ốp lưng bằng kim loại màu sáng, máy đã qua sử dụng. Xét thấy đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6.2] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu xe YAMAHA màu sơn trắng, đen biển kiểm soát 23 M1-099.00, kèm theo 01 chìa khóa của xe; Giấy chứng nhận nhãn hiệu xe YAMAHA số loại TAURUS màu sơn trắng, đen, biển kiểm soát 23 M1-099.00; 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 003508, do Công an huyện Y cấp ngày 22/7/2016 mang tên Thào Chá S và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm của chủ xe mô tô, xe máy số 0212928 cấp ngày 18/9/2017 cho xe biển kiểm soát 23 M1-099.00. Đây là chiếc xe máy và đồ vật, giấy tờ liên quan mà Thào Chá S đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S, người làm chứng Mua Thị C (vợ của bị cáo S) đều xác định đây là tài sản chung của cả gia đình bị cáo, hiện nay gia đình bị cáo còn có khó khăn về kinh tế. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần tịch thu mà tuyên trả lại chiếc xe máy và các đồ vật, giấy tờ có liên quan cho bị cáo là hợp tình, hợp lý.

[6.3] Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 073303852, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 03/12/2009 mang tên Thào Chá S; 01 giấy phép lái xe số AL 211507, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 05/10/2009 mang tên Thò Tráng S; 01 ví giả da màu vàng đất. Đây là các giấy tờ tùy thân của bị cáo S, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo S.

[6.4] Đối với 01 con trâu đực màu lông đen khoảng 01 năm tuổi có chiều dài 1,64m; cao 1,25m; sừng dài 35cm; thân trâu có 04 khoáy, lông hình tròn ở hai bên hông và hai bả vai (đang tạm giao cho đại diện gia đình bị cáo P là chị Giàng Thị S quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng). Đây là tài sản do bị cáo P sử dụng tiền do phạm tội mà có để mua nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án các bị hại Vàng Thị L và Lò Thị V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho mỗi bị hại số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của các bị hại và đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại Vàng Thị L và Lò Thị V mỗi người được 7.500.000 đồng. Trong đó, bị cáo Thào Chá S bồi thường được 10.000.000 đồng, bị cáo Thào Mí P bồi thường được 5.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo S đã bồi thường xong cho các bị hại; bị cáo P phải bồi thường tiếp phần còn thiếu cho bị hại L là 2.500.000 đồng, bị hại V là 2.500.000 đồng.

[8] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S với thời hạn là 45 ngày từ ngày tuyên án sơ thẩm, theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Về khoản tiền các bị cáo thu lợi được từ việc bán các bị hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định số tiền bị cáo P được hưởng là 15.000 NDT đổi được 50.200.000 đồng tiền Việt Nam, P đã dùng số tiền này mua được 01 xe máy nhãn hiệu HONDA loại Wave màu sơn trắng, đen với giá là 15.000.000 đồng, mua 01 con trâu đực màu lông đen khoảng 01 năm tuổi với số tiền là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại P chi tiêu cá nhân hết. Phần Thào Chá S được hưởng là 11.000 NDT, Sỳ đã chi tiêu cá nhân hết.

Đối với các khoản tiền, vật chất do các bị cáo phạm tội, mua bán đổi chác mà có, hiện nay chỉ thu giữ được 01 con trâu đực màu lông đen khoảng 01 năm tuổi có chiều dài 1,64m; cao 1,25m; sừng dài 35cm; thân trâu có 04 khoáy, lông hình tròn ở hai bên hông và hai bả vai (cơ quan điều tra đã tạm giao cho gia đình bị cáo P là chị Giàng Thị S quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng). Số còn lại gồm: 01 chiếc xe máy HONDA nhãn hiệu Wave màu sơn trắng, đen, do Thào Mí P mua sử dụng phạm tội mà có, thì chị S đã mang ra chợ xã D, huyện Y bán cho một người tên là M (*không biết họ, tên và địa chỉ*) được số tiền là 11.000.000 đồng và đã chi tiêu trong sinh hoạt gia đình hết không thu giữ được; phần Thào Chá S được hưởng là 11.000 NDT, Sỳ đã chi tiêu cá nhân hết.

Xét thấy tiền, vật chất do các bị cáo phạm tội, mua bán đổi chác mà có các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, không thu giữ được; gia đình các bị cáo thuộc trường hợp có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần truy thu khoản tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo.

[10] Đối với người Trung Quốc tên là “L” là người này đã trực tiếp giao dịch mua bán (V và L) với các bị cáo Thào Mí P và Thào Chá S, nhưng các bị cáo cũng không biết chính xác “L” là tên giả hay thật và địa chỉ ở đâu, nên Cơ quan điều tra không có tài liệu và căn cứ để tiến hành điều tra. Do vậy, không đề cập việc xử lý trong vụ án này.

[11] Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở được chấp nhận.

[12] Quan điểm của Luật sư tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xem xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa do các bên không thỏa thuận được về lãi xuất chậm thi hành án đối với khoản tiền bồi thường dân sự cho các bị hại. Do đó, Hội đồng xét

xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tuyên về phần lãi xuất mà bên phải thi hành án phải chịu trong trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[14] Về án phí: Các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S phạm tội "Mua bán người".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 150, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S. Xử phạt bị cáo Thào Mí P 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 18/8/2018; xử phạt bị cáo Thào Chá S 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 19/8/2018.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyết định tạm giam đối với các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 07/4/2019.

3. Về vật chứng

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Point màu đỏ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động, loại máy có bàn phím bấm, có chữ KliTON phía dưới màn hình, ốp lưng bằng kim loại màu sáng, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Thào Chá S 01 xe máy nhãn hiệu xe YAMAHA màu sơn trắng, đen biển kiểm soát 23 M1-099.00, kèm theo 01 chìa khóa của xe; Giấy chứng nhận nhãn hiệu xe YAMAHA số loại TAURUS màu sơn trắng, đen, biển kiểm soát 23 M1-099.00; 01 giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số 003508, do Công an huyện Y cấp ngày 22/7/2016 mang tên Thào Chá S và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm của chủ xe mô tô, xe máy số 0212928 cấp ngày 18/9/2017 cho xe biển kiểm soát 23 M1-099.00; 01 giấy chứng minh nhân dân số 073303852, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 03/12/2009 mang tên Thào Chá S; 01 giấy phép lái xe số AL 211507, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang cấp ngày 05/10/2009 mang tên Thò Tráng S; 01 ví giả da màu vàng đất.

(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2019 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.)

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 con trâu đực màu lông đen khoảng 01 năm tuổi có chiều dài 1,64m; cao 1,25m; sừng dài 35cm; thân trâu có 04 khoáy, lông hình tròn ở hai bên hông và hai bả vai (đang tạm giao cho đại diện gia đình bị cáo P là chị Giàng Thị S quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng).

(Tình trạng, đặc điểm như biên bản bàn giao đồ vật bị tạm giữ lập ngày 30/10/2018).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 592 của Bộ luật Dân sự. Xử buộc các bị cáo Thào Mí P, Thào Chá S phải liên đới bồi thường cho các bị hại Vàng Thị L và Lò Thị V mỗi bị hại số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Trong đó:

4.1. Bị cáo Thào Chá S phải bồi thường cho bị hại Vàng Thị L số tiền là 5.000.000 đồng, bị hại Lò Thị V số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bị cáo Thào Chá S đã bồi thường xong cho các bị hại.

4.2. Bị cáo Thào Mí P phải bồi thường cho bị hại Vàng Thị L số tiền là 5.000.000 đồng, bị hại Lò Thị V số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Xác nhận bị cáo P đã bồi thường cho bị hại Vàng Thị L số tiền là 2.500.000 đồng, bị hại Lò Thị V số tiền là 2.500.000 đồng; bị cáo P còn phải bồi thường tiếp số tiền còn thiếu cho bị hại Vàng Thị L là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng), bị hại Lò Thị V là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Khoản tiền còn phải thi hành án nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Thào Chá S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Thào Mí P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV 06, PC 10 Công an tỉnh Hà Giang;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường